

Số: /2025/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được giao đất, cho thuê đất

lần đầu nhưng nay không còn đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh hoặc thiếu 70% (Bảy mươi phần trăm) đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh so với hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định.

2. Tổ chức được giao trách nhiệm quản lý quỹ đất tại địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Diện tích đất ở**

1. Trường hợp không còn đất ở

a) Giao tiếp đất ở: Không quá 150 m<sup>2</sup> đối với địa bàn huyện Lệ Thủy; không quá 200 m<sup>2</sup> đối với địa bàn các huyện: Quảng Ninh, Bố Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Không quá 150 m<sup>2</sup> đối với địa bàn các huyện: Lệ Thủy, Minh Hóa; không quá 200 m<sup>2</sup> đối với địa bàn các huyện: Quảng Ninh, Bố Trạch, Tuyên Hóa cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

2. Trường hợp thiếu đất ở

Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Không quá 100 m<sup>2</sup> đối với địa bàn các huyện: Lệ Thủy, Bố Trạch; không quá 200 m<sup>2</sup> đối với địa bàn các huyện: Quảng Ninh, Tuyên Hóa, Minh Hóa cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

Diện tích đất ở sau khi chuyển mục đích sử dụng do bị thiếu đất ở không vượt quá 300 m<sup>2</sup> cho các thành viên trong hộ gia đình.

### **Điều 4. Diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp**

1. Trường hợp không còn đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp

a) Giao tiếp đất nông nghiệp

Đất trồng cây hàng năm: Không quá 0,2 ha đối với địa bàn các huyện: Lệ Thủy, Bố Trạch; không quá 0,25 ha đối với địa bàn huyện Tuyên Hóa; không quá 0,5 ha đối với địa bàn huyện Minh Hóa; không quá 500 m<sup>2</sup> đối với địa bàn huyện Quảng Ninh cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

Đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng: Không quá 1,0 ha đối với địa bàn các huyện: Lệ Thủy, Bố Trạch, Tuyên Hóa; không quá 2,0 ha đối với địa bàn huyện Minh Hóa; không quá 0,5 ha đối với địa bàn huyện Quảng Ninh cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

b) Cho thuê đất phi nông nghiệp để sản xuất kinh doanh: Không quá 0,15 ha cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

## 2. Trường hợp thiếu đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp

### a) Giao thêm đất nông nghiệp

Đất trồng cây hàng năm: Không quá 0,2 ha đối với địa bàn huyện Lê Thủy; 500 m<sup>2</sup> đối với địa bàn huyện Quảng Ninh; 0,1 ha đối với địa bàn huyện Bố Trạch; 0,15 ha đối với địa bàn huyện Tuyên Hóa; 0,3 ha đối với địa bàn huyện Minh Hóa cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

Đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng: Không quá 0,3 ha đối với địa bàn huyện Lê Thủy; 0,5 ha đối với địa bàn các huyện: Quảng Ninh, Bố Trạch, Tuyên Hóa; 1,0 ha đối với địa bàn huyện Minh Hóa cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

Diện tích đất nông nghiệp của các thành viên trong hộ gia đình sau khi được giao thêm không vượt quá diện tích đất nông nghiệp giao tiếp (theo từng loại đất) tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quyết định này.

b) Cho thuê đất phi nông nghiệp để sản xuất kinh doanh: Không quá 0,1 ha cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

## **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày      tháng      năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế-Bộ NNMT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Quảng Bình;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**